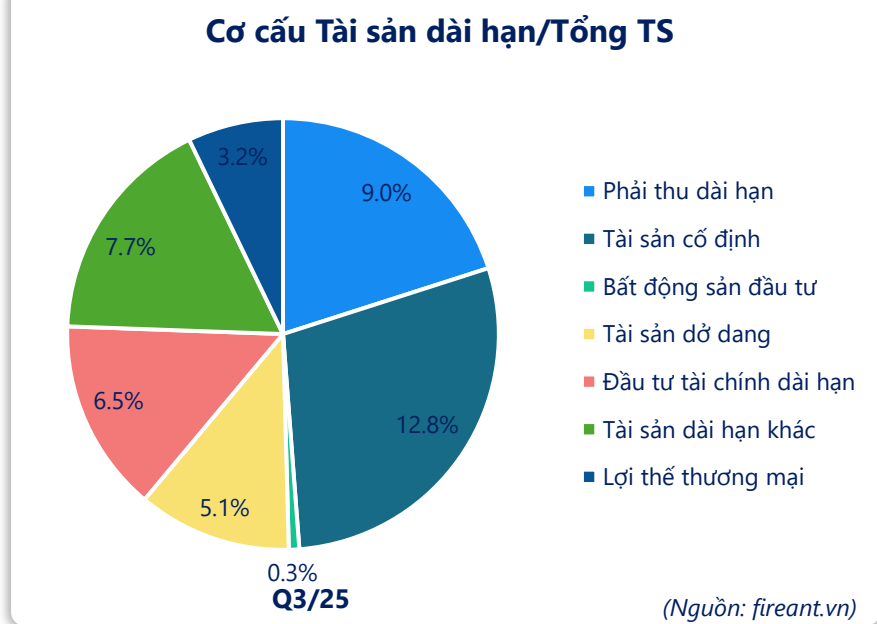
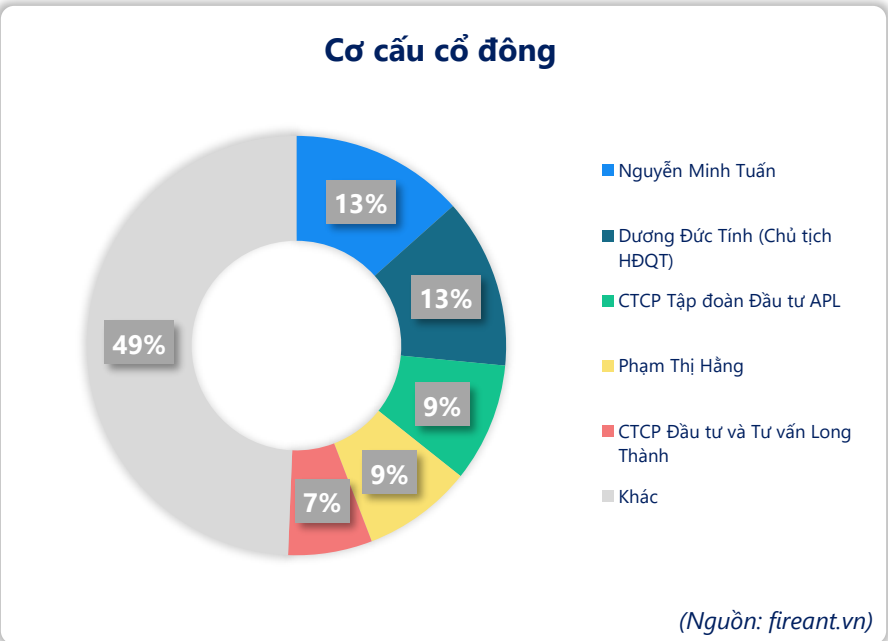
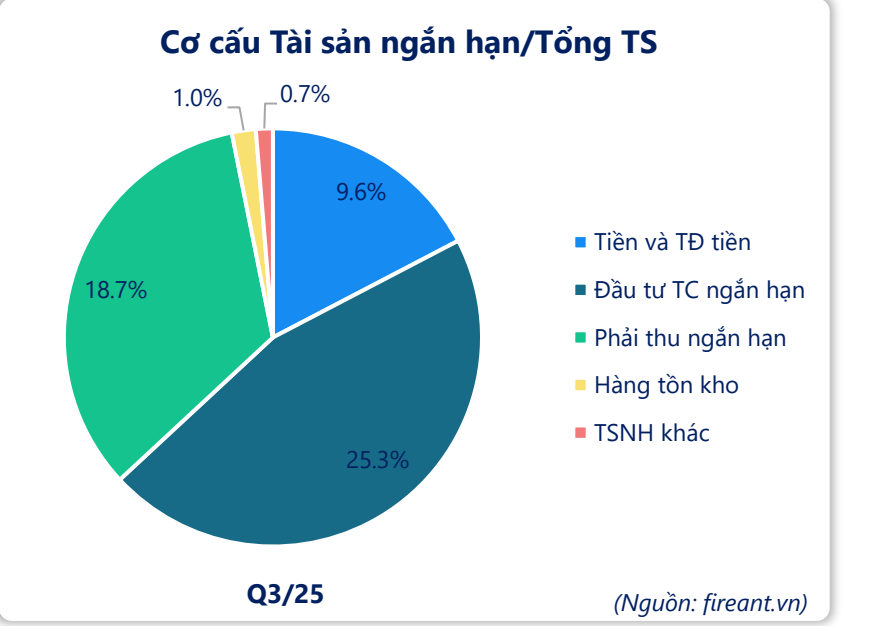
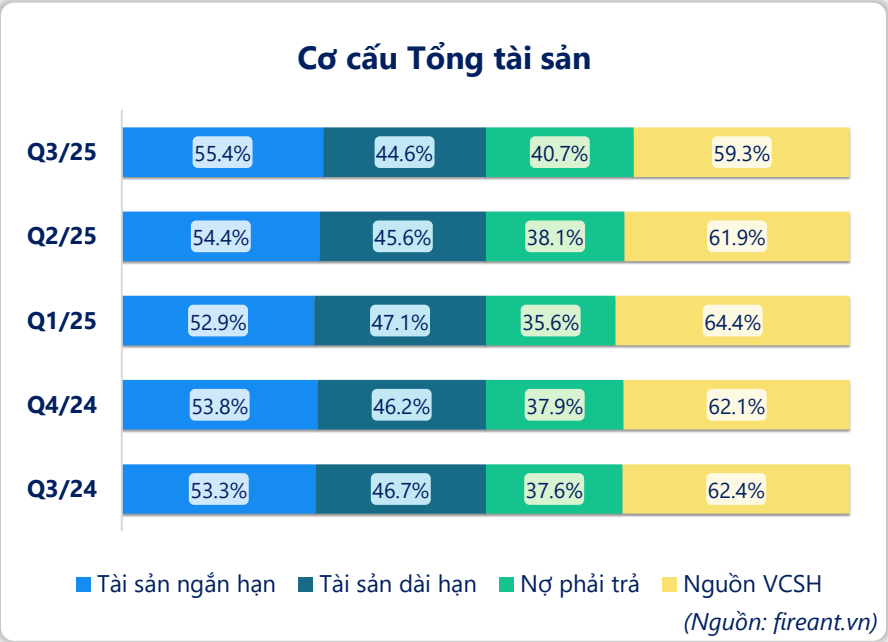
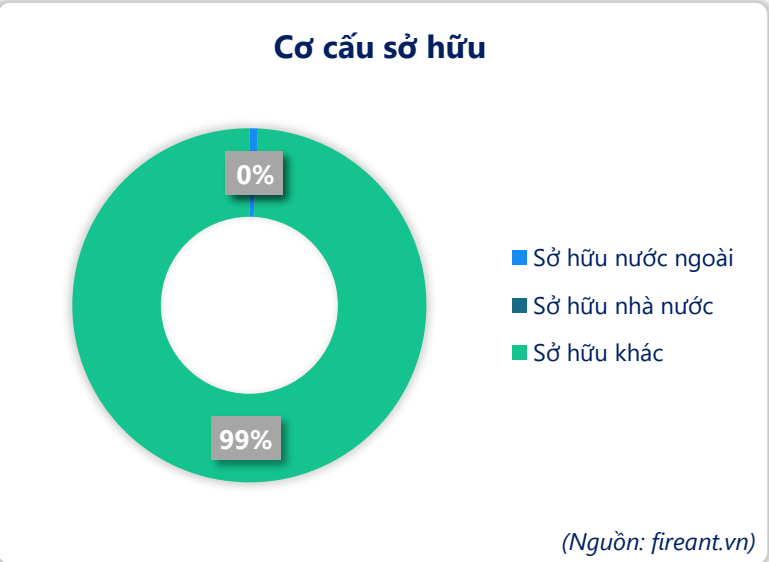
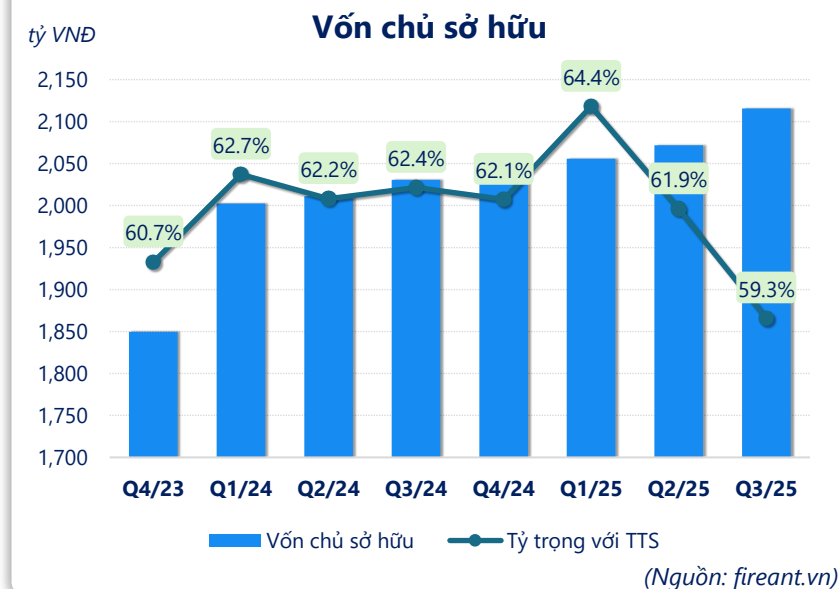
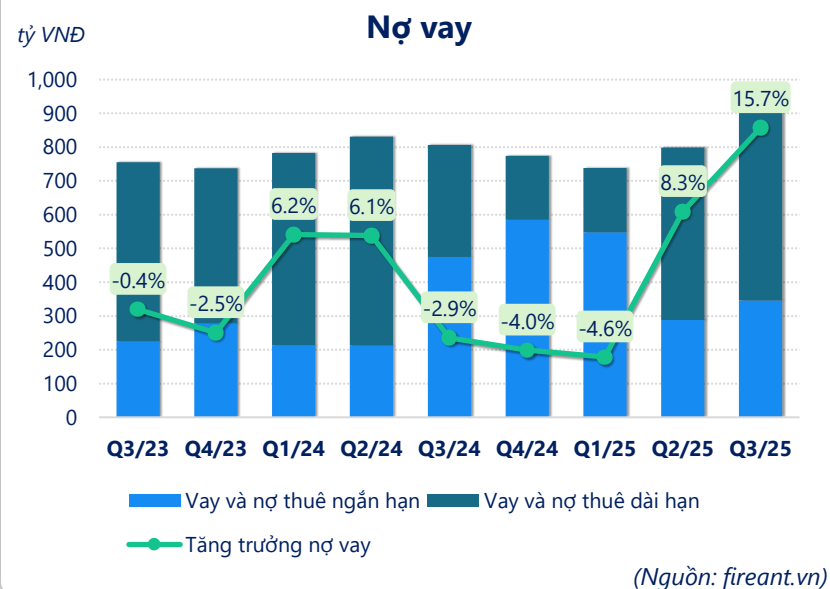
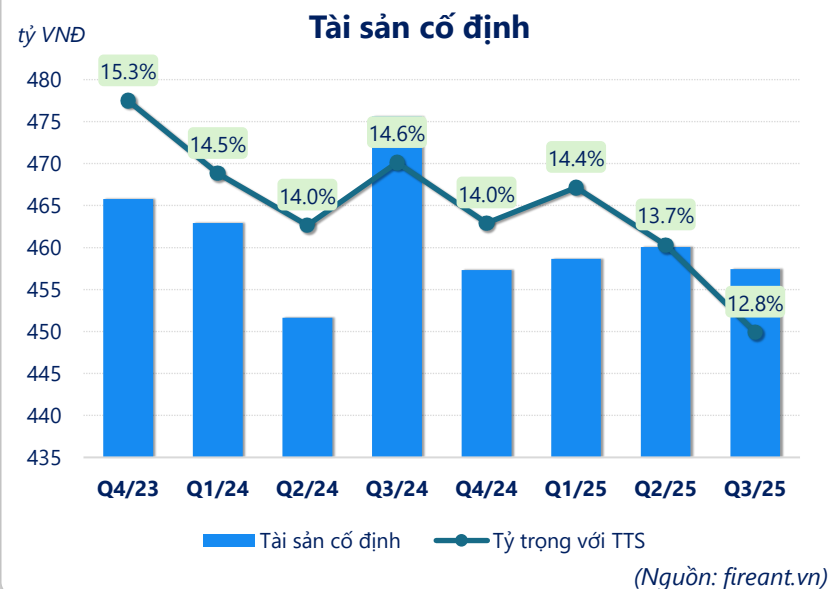
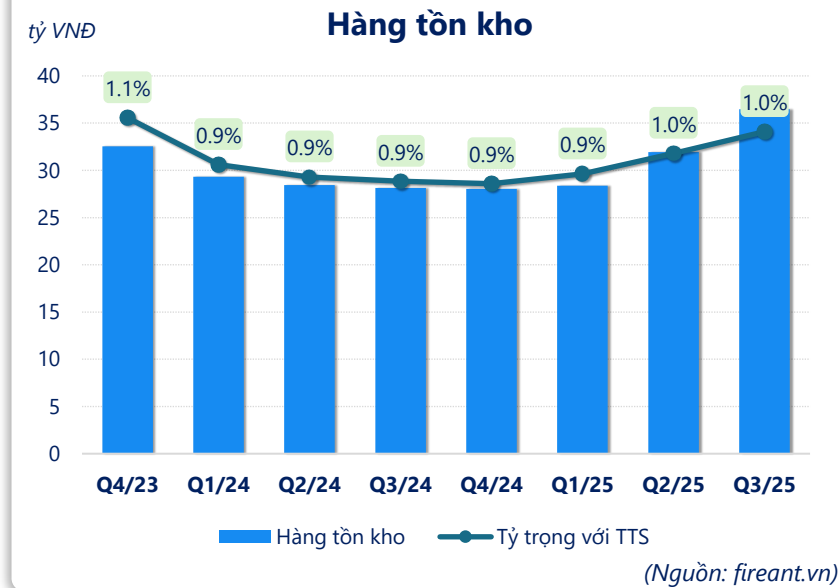
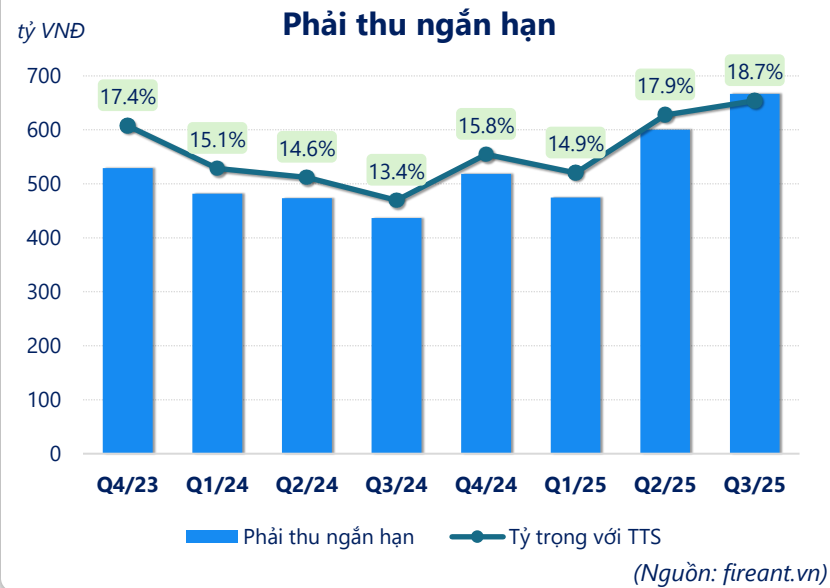
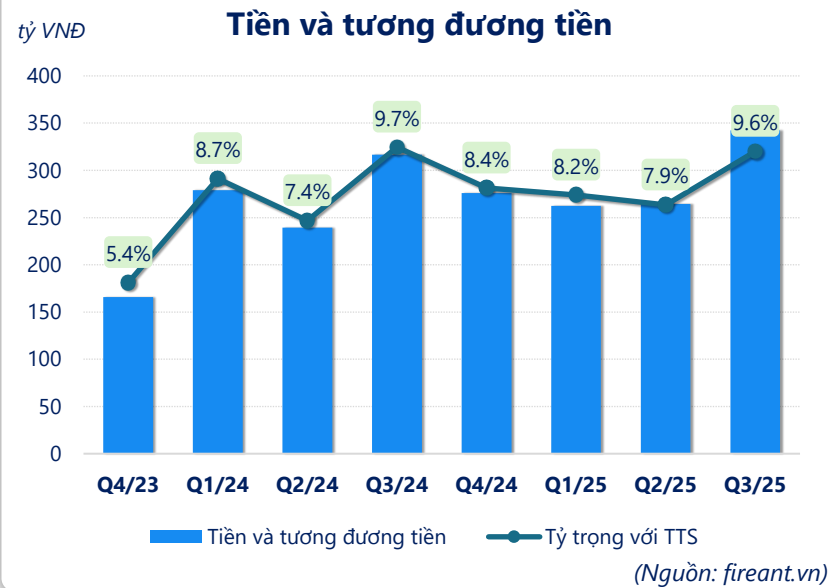
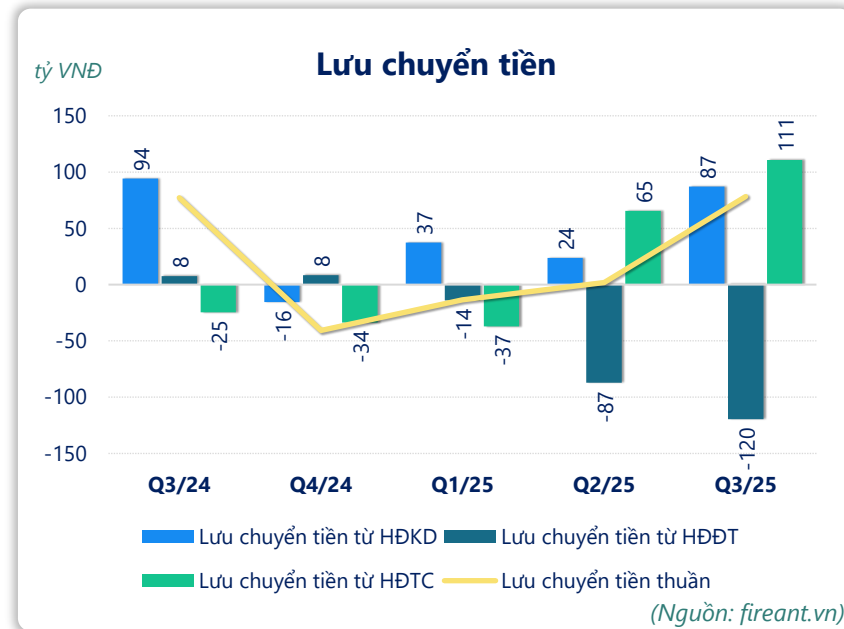
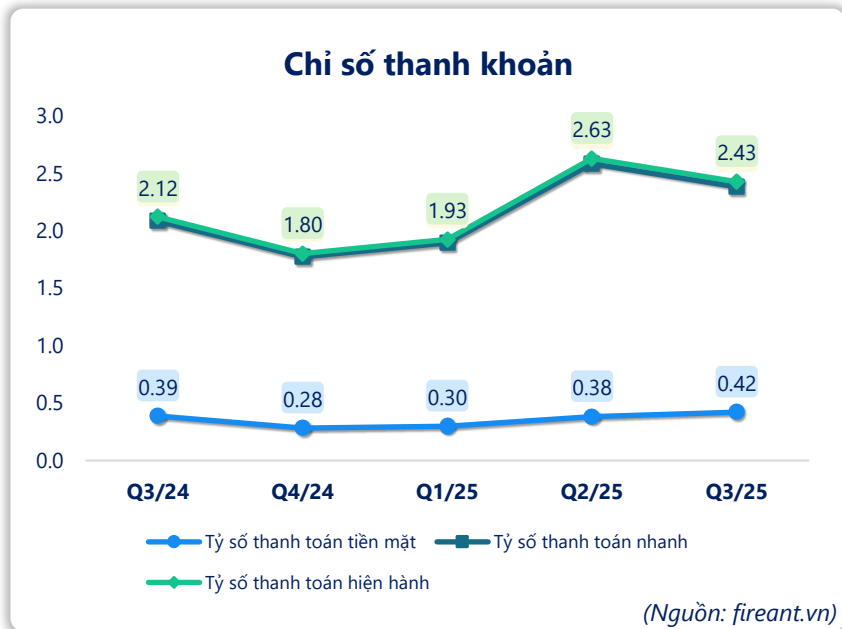
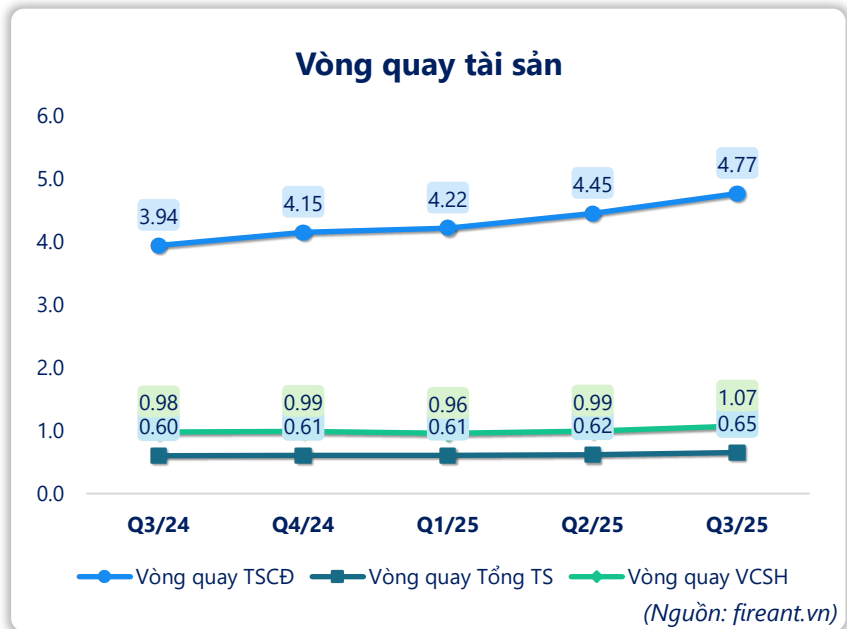
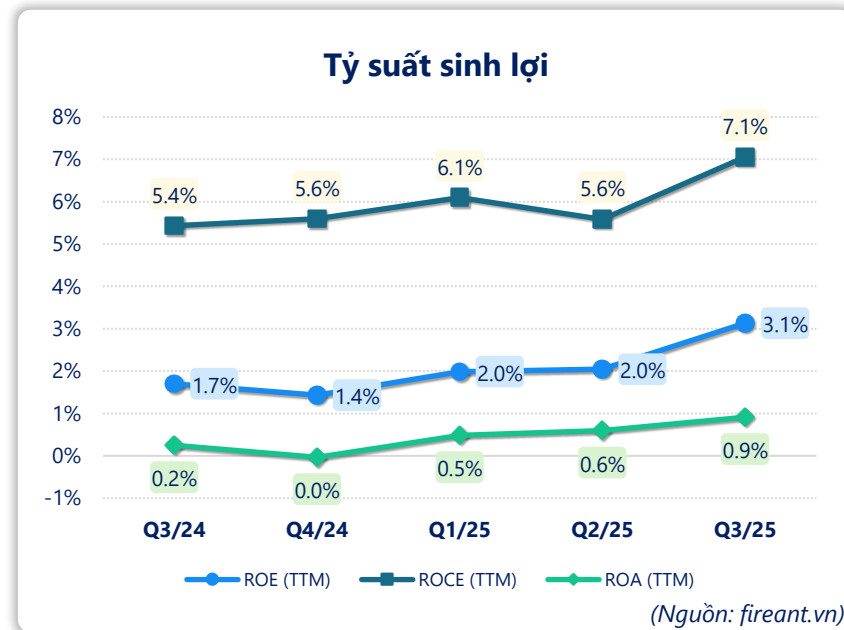
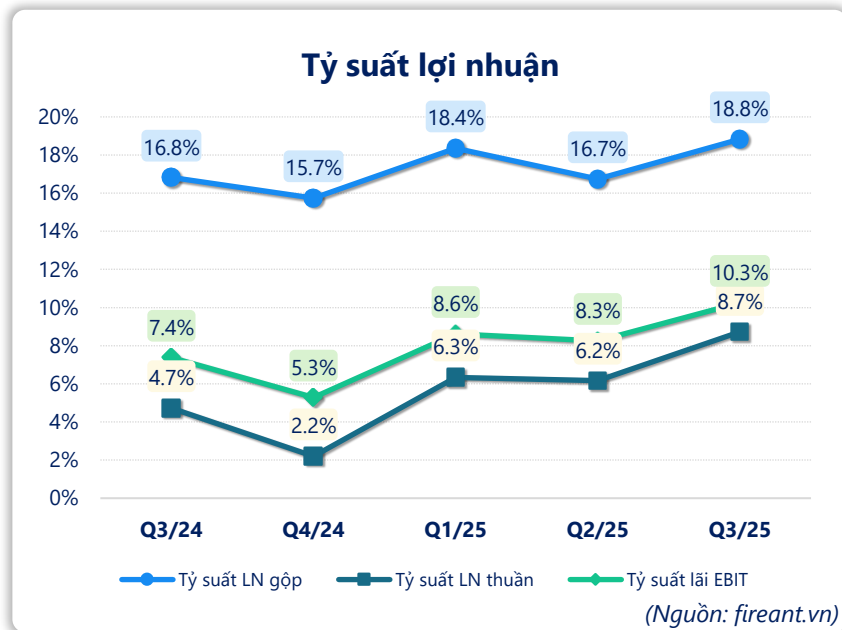
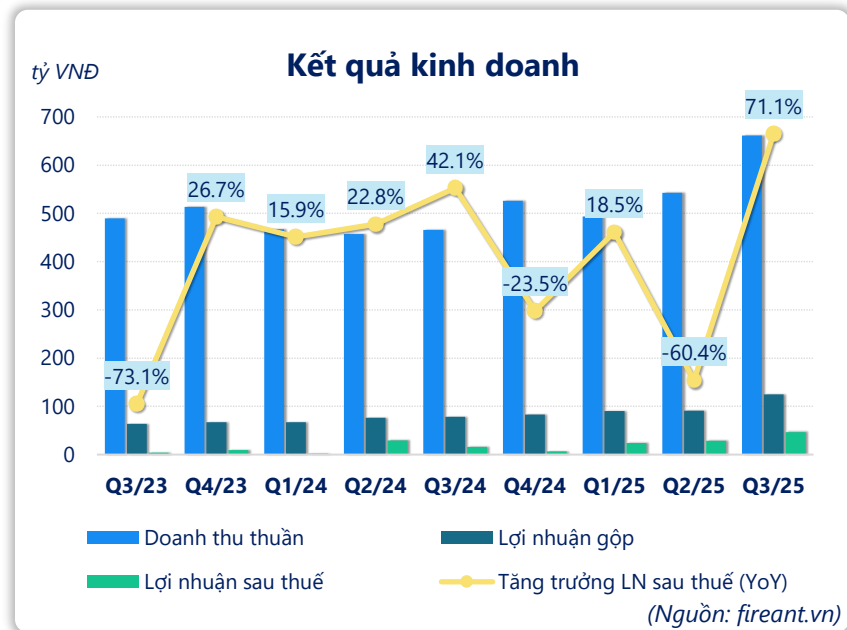


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,250
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,050
SL cổ phiếu LH		90,784,669
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,560
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,475
P/E		22.7
EPS		715

	YTD	1T	3T	6T
ASG	-11.7%	-3.8%	-7.1%	-6.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,567	3,271	9.0%
Tài sản ngắn hạn	1,975	1,759	12.3%
Tiền và tương đương tiền	342	276	24.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	903	917	-1.5%
Phải thu ngắn hạn	666	518	28.6%
Hàng tồn kho	36.5	28.0	30.1%
Tài sản ngắn hạn khác	25.9	19.5	32.8%
Tài sản dài hạn	1,592	1,512	5.3%
Phải thu dài hạn	319	37.4	755%
Tài sản cố định	457	457	0.0%
Bất động sản đầu tư	12.4	1.86	564%
Tài sản dở dang	183	367	-50.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	231	242	-4.9%
Tài sản dài hạn khác	275	275	-0.1%
Lợi thế thương mại	114	131	-13.0%
Nợ phải trả	1,451	1,239	17.1%
Nợ ngắn hạn	814	978	-16.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	346	584	-40.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	264	254	3.8%
Nợ dài hạn	637	261	144%
Vay và nợ thuê dài hạn	578	190	205%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,116	2,032	4.1%
Vốn chủ sở hữu	2,116	2,032	4.1%
Vốn điều lệ	908	908	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	465	526	494	542	661
Giá vốn hàng bán	387	443	403	452	537
Lợi nhuận gộp	78.3	82.8	90.6	90.8	125
Doanh thu HĐTC	12.4	7.88	6.93	29.6	6.75
Chi phí TC	14.6	12.8	12.7	17.7	13.0
Chi phí lãi vay	13.0	12.7	11.8	12.7	12.3
LN trong công ty LKLD	-3.04	-1.35	0.18	-8.81	0
Chi phí bán hàng	4.23	4.75	4.55	5.35	6.39
Chi phí QLDN	46.8	60.2	49.2	55.1	54.2
LN thuần từ HĐKD	22.0	11.6	31.3	33.5	57.7
Lợi nhuận khác	-0.66	3.52	-0.55	-1.42	-2.25
LN trước thuế	21.4	15.1	30.8	32.0	55.4
Lợi nhuận sau thuế	16.1	6.39	24.3	28.3	46.4
LNST của CĐ cty mẹ	7.86	-1.08	15.4	19.5	31.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	94.2	-15.6	37.4	23.7	87.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.63	8.46	-14.0	-87.2	-120
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-24.6	-33.6	-37.0	65.4	111
Tiền đầu kỳ	239	317	276	262	264
Lưu chuyển tiền thuần	77.2	-40.7	-13.7	1.96	78.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	-0.03	0.04	-0.03	-0.02
Tiền cuối kỳ	317	276	262	264	342

(Nguồn: fireant.vn)